

BỔ SUNG LOÀI *CAYRATIA CORDIFOLIA* C. Y. WU EX C. L. LI (HỌ NHO - VITACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

NGUYỄN THẾ CƯỜNG, DƯƠNG ĐỨC HUYẾN

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trên thế giới, chi *Cayratia* Juss. thuộc họ Nho - Vitaceae Juss. có khoảng 60 loài, phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới châu Phi, châu Á, các đảo Thái Bình Dương tới châu Đại Dương [8,11]. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, ở Việt Nam, chi này hiện biết có 12 loài, phân bố khắp cả nước, trong đó có 3 loài được ghi nhận là đặc hữu của Việt Nam [1]. Sau khi nghiên cứu mẫu vật tại Phòng tiêu bản Thực vật, Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật, Hà Nội (HN) và so sánh với mẫu chuẩn (typus) tại Phòng tiêu bản Thực vật, Viện Thực vật Kunming, Trung Quốc (KUN), chúng tôi bổ sung loài *Cayratia cordifolia* C. Y. Wu cho hệ thực vật Việt Nam. Loài này mới chỉ được ghi nhận có ở Trung Quốc.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc chi

Vác - *Cayratia* Juss. ở Việt Nam, thông qua các mẫu vật nghiên cứu là các tiêu bản được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật trong và ngoài nước, các cá thể sống gặp ngoài tự nhiên.

Phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng là phương pháp hình thái so sánh. Các đặc điểm hình thái được sử dụng để xây dựng khoá định loại là những đặc điểm của những cơ quan ổn định, ít bị biến đổi, chủ yếu là cơ quan sinh sản.

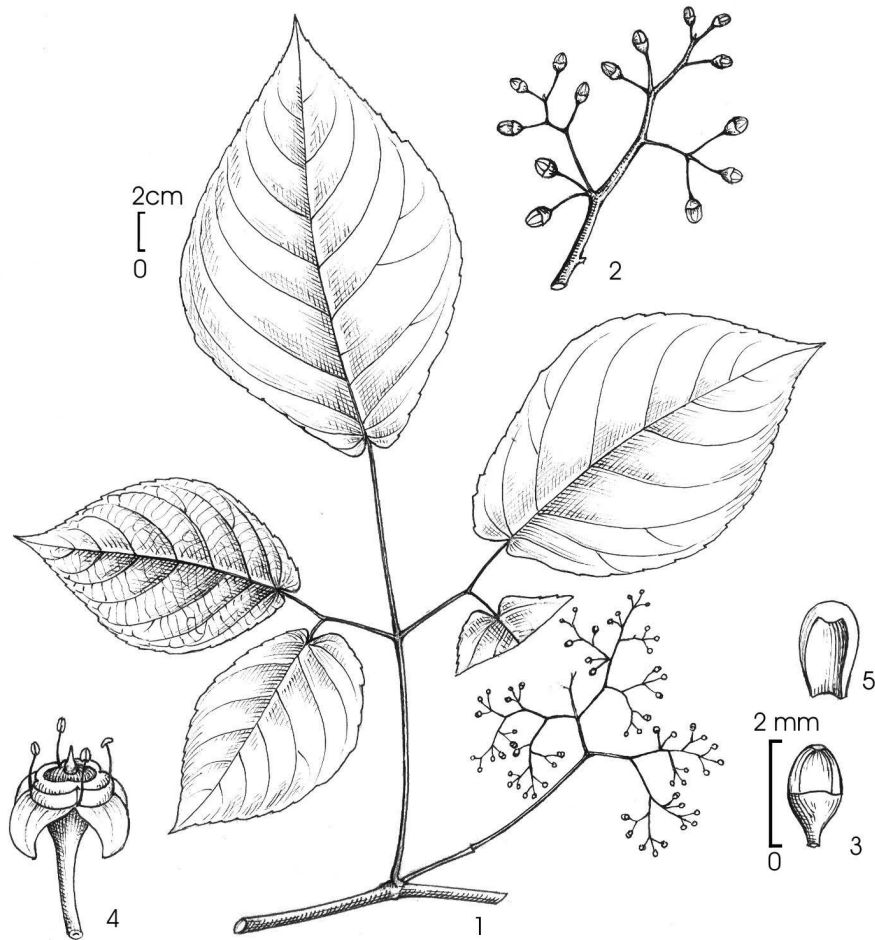
II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi nghiên cứu các đặc điểm hình thái của các loài thuộc chi *Cayratia* Juss. ở Việt Nam, chúng tôi xây dựng khoá định loại các loài thuộc chi này và mô tả loài được bổ sung, *C. cordifolia* C. Y. Wu cho hệ thực vật Việt Nam.

Khóa định loại các loài thuộc chi *Cayratia* Juss. đã biết ở Việt Nam

- 1a. Cống cụm hoa có khuỷu và lá bắc. Hạt hình bán cầu hoặc bầu dục, mặt bụng có một hốc ở giữa (Sect. *Cayratia*).
- 2a. Gốc lá hình tim *C. cordifolia*
- 2b. Gốc lá nhọn, tam giác hoặc gần tròn
- 3a. Lá kép hình chân vịt 3 lá chét.
- 4a. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa và cuống hoa có lông.
- 5a. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa và cuống hoa có lông tơ mịn, ngắn; bao phấn màu vàng. *C. geniculata*.
- 5b. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa và cuống hoa có lông dạng tóc, dài; bao phấn màu đen *C. mollissima*
- 4b. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa và cuống hoa không có lông.....*C. wrayi*
- 3b. Lá kép hình bàn đạp từ 5 lá chét trở lên.
- 6a. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa có lông
- 7a. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa có lông tơ mịn và lông nhung. Bao phấn hình gần tròn, dài bằng rộng.....*C. hayatae*

- 7b. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa chỉ có lông tơ mịn. Bao phấn hình bầu dục, dài gấp hai lần rộng. *C. pedata*
- 6b. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cuống cụm hoa không có lông
- 8a. Cụm hoa ngắn hơn 5 cm, hoa có lông mịn. *C. ceratophora*
- 8b. Cụm hoa cỡ 10-15 cm, hoa không có lông. *C. roxburghii*
- 1b. Cuống cụm hoa không có khuỷu và không có lá bắc. Hạt hình trứng ngược, mặt bụng có gờ và hai hốc ở hai bên (Sect. *Discypharia* Suesseng).
- 9a. Cánh hoa có sừng nhọn ở đỉnh.
- 10a. Nhánh non, lá và cụm hoa có lông tơ màu hung đỏ. *C. cannabina*
- 10b. Nhánh non, lá và cụm hoa không có lông tơ màu hung đỏ. *C. corniculata*
- 9b. Cánh hoa không có sừng nhọn ở đỉnh.
- 11a. Lá kép hình chân vịt 3 lá chét. *C. trifolia*
- 11b. Lá kép hình bàn đạp 5 lá chét.
- 12a. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cụm hoa có lông tơ màu nâu đỏ. *C. oligocarpa*
- 12b. Nhánh non, cuống và mặt dưới lá, cụm hoa không có lông tơ màu nâu đỏ. *C. japonica*



***Cayratia cordifolia* C. Y. Wu**

1. cành mang hoa; 2. một phần cụm hoa; 3. nụ hoa; 4. hoa; 5. cánh hoa
(hình do Lê Kim Chi vẽ theo mẫu N. T. Bân et al. s.n. (HN))

Sau đây là phân mô tả loài được bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam:

***Cayratia cordifolia* C. Y. Wu ex C. L. Li**

C. Y. Wu ex C. L. Li, 1996. Chin. Journ. Appl. Environ. Biol. 2: 49; L. C. Li, 1998. Fl. Reip. Pop. Sin. 48(2): 71; R. Hui & J. Wen, 2007. Fl. China, 12: 190.

Dây leo, dài 4-5 m; nhánh non, cụm hoa, cuống và mặt dưới lá có lông mịn màu trắng; tua cuốn đối diện với lá, xẻ đôi ở đỉnh. Lá kép hình bàn đạp, 5 lá chét; cuống lá dài 8-10 cm, cuống lá chét bên dài 2-4 cm, cuống lá chét giữa dài đến 6 cm; phiến lá hình bầu dục đến trứng rộng, cỡ 13-16 × 6-10 cm, chóp lá nhọn, mép lá lượn sóng hoặc có răng rất mịn, gốc lá hình tim, gốc lá chét bên lệch, gân bên 8-13 đôi; lá kèm nhỏ, sớm rụng. Cụm hoa dạng ngù của xim nhiều ngả kép, dài bằng hoặc ngắn hơn cuống lá; cuống cụm hoa có khuỷu và lá bắc, cuống hoa mảnh, cỡ 2-3 mm; nụ hoa hình trứng, có lông mịn. Hoa lưỡng tính; đài hình chén, mép nguyên hoặc lượn sóng; cánh hoa 4, cỡ 1,5 mm; nhị 4, đối diện với cánh hoa, bao phấn 2 ô, hình bầu dục, đính lưng; triển nạc, có 4 thùy; bầu hình nón, vòi nhụy hình dùi. Quả mọng hình cầu, cỡ 1-1,3 cm. Hạt hình bán cầu, đỉnh tròn, mặt bụng có 1 hốc cỡ 5-6 mm.

Loc. class.: China (Yunnan); **Holotypus:** K. M. Peng 5198 (KUN!)

Phân bố: Lào Cai (Sa Pa). Còn có ở Trung Quốc (Vân Nam).

Mẫu nghiên cứu: Lào Cai, N. T. Bân et al. s.n. (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Thế Cường**, 2009: Nghiên cứu

phân loại các loài thuộc chi Vác - *Cayratia* Juss., họ Nho - Vitaceae Juss. ở Việt Nam: 56-61. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ III. Hà Nội.

2. **Gagnepain F.**, 1911: in Lecomte H., Notulae systematicae, 1: 339-360, Paris.
3. **Gagnepain F.**, 1912: in Lecomte H., Flore Générale de l'Indo-Chine, 1: 975-984, Paris.
4. **Gagnepain F.**, 1945: Bulletin de la Société Botanique de France, 92: 167-168, Paris.
5. **Gagnepain F.**, 1950: in Humbert H., Supplement à la Flore Générale de l'Indo-Chine, 1: 893-901, Paris.
6. **Nguyễn Hữu Hiến**, 2004: Danh lục thực vật Việt Nam, 2: 1147-1149. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, 2: 468-471. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
8. **Latiff A.**, 1981: Sains Malaysiana, 10(2): 129-139. Malaysia.
9. **Li C. L.**, 1996: Chinese Journal of Applied and Environmental Biology, 2(1): 43-53., Pekin. (in Chinese).
10. **Li C. L.**, 1998: Flora Reipublicae Popularis sinicae, 48(2): 68-85. Science Press, Pekin. (in Chinese).
11. **Planchon J. E.**, 1887: in De Candolle, Monographiae Phanerogamarum, 5: 558-577. Sumptibus G. Masson, Parisiis.
12. **Ren Hui & Jun Wen**, 2007: Flora of China, 12: 189-194. Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
13. **Suessenguth K.**, 1953: in Engler A. & Prantl A., Die Natürlichen Pflanzenfamilien, 20d: 277-282. Berlin.

**CAYRATIA CORDIFOLIA C. Y. WU EX C. L. LI, (VITACEAE JUSS.),
A NEW ADDITION TO THE FLORA OF VIETNAM**

NGUYEN THE CUONG, DUONG DUC HUYEN

SUMMARY

In the flora of Vietnam, genus *Cayratia* Juss. has been known to comprise 12 species, 3 endemic species. Distribution of *C. cordifolia* C. Y. Wu ex C. L. Li has been known in China (Yunnan) but it has not been known in Vietnam. During the study specimens of *Cayratia* and documentations in herbaria, we have found that *C. cordifolia* C. Y. Wu ex C. L. Li has distributed also in Vietnam, with specimens collected in Sapa district, Lao cai province. The specimens of voucher are kept in Hanoi Herbarium, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi (HN). This species is different to the others in genus *Cayratia* Juss. by the base of leaflets cordate. This was a new species for the flora of Vietnam.

Ngày nhận bài: 22-12-2009